

Bản án: **19 /2020/ HNGĐ - ST**

Ngày *09/ 12 / 2020*

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Khôi
2. Bà Vi Thị Tú

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/HNGGD - ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX- ST ngày 28 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/HNGGD-ST ngày 19/11/2020, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Tơ Thị B, sinh năm 1986; Có mặt
Địa chỉ: Thôn V, xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Vi Văn T, sinh năm 1989; Vắng mặt không có lý do
Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tơ Thị Bằng trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vi Văn T vào ngày 07 tháng 5 năm 2012, trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S. Cưới xong chị về gia đình anh T ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Xảy ra từ tháng 08 năm 2012, do cách sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên vợ chồng hay cãi nhau nhiều lần; vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2012 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn nhau.

b) Về con chung: Chưa có.

c) Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt tại nơi cư trú; Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử giao cho gia đình anh T và niêm yết tại địa phương để anh T biết đến làm việc tại Tòa án; tuy gia đình anh T đã thông báo bằng điện thoại cho anh T biết nhưng anh T không chấp hành đến làm việc và cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

* Tại phiên tòa chị Tơ Thị B vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, bị đơn không chấp hành là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tơ Thị B và anh Vi Văn T được ly hôn nhau.

Về tài sản: Do đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Tơ Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tư Thị B khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Vi Văn T, hiện chị B và anh T đều đang cư trú tại huyện Sơn Động. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ các văn bản lần thứ 2 nhưng bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt tại phiên tòa; vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

a) Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn chị Tư Thị B cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định: Chị Tư Thị B kết hôn với anh Vi Văn T vào ngày 07/5/2012, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau và cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C số 13 ngày 07/5/2012; cưới xong chị B về gia đình anh T ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ tháng 8 năm 2012, do vợ chồng không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không cải thiện được; chị B và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2012 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa và chị B đã về bên ngoại ở sinh sống làm ăn. Hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, chị B và gia đình anh T hiện đều không biết anh T đang sống làm gì ở địa chỉ nào (Anh T đang làm công nhân tại tỉnh B), gia đình anh T chỉ liên lạc được cho anh T qua điện thoại, anh T dấu không cho biết địa chỉ và kiên quyết không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Xét thấy, lời khai của chị B cung cấp, xác minh tại UBND xã C, huyện Sơn Động thì thấy: Anh T đã tự bỏ đi làm ăn nên thường xuyên không có mặt tại gia đình nên vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, anh T đã không quan tâm giúp đỡ đến vợ. Như vậy, anh T đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị B, cho chị B và anh T được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

b) Về con chung: Chưa có.

c) Về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

d) Về án phí: Chị B là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tơ Thị B và anh Vi Văn T được ly hôn nhau.

[2] Về án phí: Chị Tơ Thị B được miễn án phí DSST ly hôn.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Cẩm Đàn;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn